

Số: 33/2017/QĐST-DS.

Kiên Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2016/TLST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2016.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị S, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Minh H, sinh năm: 1942.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn có yêu cầu phản tố:* Ông Trần Văn S, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn S: Luật sư Vũ Diệu H
- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị N, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Phạm Hoàng P, sinh năm: 1975.

3. Bà Phạm Tú T, sinh năm: 1977.

4. Ông Lê Xuân P, sinh năm: 1973.

Cùng ngụ địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Dương Minh H, sinh năm: 1942.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

6. Bà Lâm Thị G (vợ ông H), sinh năm: 1946.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

7. Ông Trần Văn A, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

08. Ông Trương Minh T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

09. Bà Trần Thị Ngọc C (*Trần Thị C*), sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

10. Ông Trần Văn T, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Đường M, phường V, Tp.R, tỉnh Kiên Giang.

11. Bà Trần Thị Phiến, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Đường M, phường V, Tp.R, tỉnh Kiên Giang.

12. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Đường M, phường V, Tp.R, tỉnh Kiên Giang.

13. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Đường M, phường V, Tp.R, tỉnh Kiên Giang.

14. Ông Trần Văn L, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Đường M, phường V, Tp.R, tỉnh Kiên Giang.

15. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962.

16. Ông Trần Hoài T, sinh năm: 1985.

Cùng ngụ địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

17. Bà Trần Thị Huyền T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Phường H, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

18. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: S, L, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Đường M, phường V, Tp.R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lâm Thị N, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Nguyễn Lệ D.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông Cao Văn C.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

4. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

5. Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

6. Ông Phan Ngọc H, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

2. Các đương sự gồm ông Dương Minh H - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị S và bị đơn có yêu cầu phản tố là ông Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N thỏa thuận cụ thể như sau:

- Hai bên thống nhất giữ nguyên hiện trạng đất đang tranh chấp mà ông Dương Minh H và ông Trần Văn S, bà Lê Thị N đang sử dụng. Đồng thời, hai bên thống nhất xác định ranh đất cụ thể:

+ Thay thế 03 trụ bạch đàn cắm trên ranh đất trước đây bằng 03 trụ đá và đồ xi măng để cố định ba cột ranh này. Bên cạnh đó, hai bên thống nhất cắm thêm 02 trụ đá mới trên hiện trạng ranh đất hiện tại.

+ Hai bên thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang có Công văn gửi UBND xã B, huyện Đ để nhờ lãnh đạo UBND cử cán bộ địa chính chứng kiến việc hai bên cắm lại ranh đất. Hai bên sẽ trực tiếp thông báo cho UBND xã B thời gian, địa điểm thực hiện việc cắm ranh đất.

+ Thời gian cắm ranh đất được hai bên thống nhất xác định vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 09/10/2017. Chi phí cắm ranh đất do ông Trần Văn S, bà Lê Thị N tự chịu, không yêu cầu bà Lâm Thị S - đại diện ủy quyền là ông Dương Minh H phải hoàn trả.

- Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/4/2017, bà Lâm Thị S có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Trần Văn S trả cho bà phần đất lấn chiếm nhiều lần với diện tích 9.898 m². Ngày 28/7/2017, bà Lâm Thị S có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung. Việc rút yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Lâm Thị S được ông H, ông Trần Văn S, bà Lê Thị N đồng ý, do đó cấp phúc thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung này của bà Lâm Thị S.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bà Lâm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 100.000 đồng, khấu trừ vào 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Lâm Thị S (do ông Dương Minh H nộp thay) theo biên lai thu tiền số 08494 ngày 03/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ và biên lai thu tiền số 0005923 ngày 11/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh K. Bà Lâm Thị S được nhận lại số tiền 400.000 đồng (nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ số tiền 100.000 đồng và Cục thi hành án dân sự tỉnh K số tiền 300.000 đồng).

Ông Trần Văn S (có yêu cầu phản tố) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 100.000 đồng, khấu trừ 200.000 đồng mà ông Trần Văn S đã nộp (do ông Trần Văn L nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0004942 ngày 25/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh K. Ông S được nhận lại số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Tổng chi phí đo đạc, thẩm định giá với số tiền là 9.841.000 đồng, bà Lâm Thị S đã nộp toàn bộ số tiền này theo biên lai thu tiền số 0019195 ngày 07/9/2015 và biên lai thu tiền số 0002284 ngày 19/10/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ. Bà Lâm Thị S tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này, không yêu cầu ông Trần Văn S phải hoàn trả; cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự.

Về phí ủy thác tư pháp: Phí ủy thác tư pháp với số tiền là 150.000 đồng, ông Trần Văn S đã nộp (do bà Vũ Diệu H nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0012436 ngày 30/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh K. Ông Trần Văn S tự nguyện nộp số tiền này, không yêu cầu bà Lâm Thị S phải hoàn trả; cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh KG;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Kế Nghiệp